

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày: 06/8/2021

“Về tranh chấp hợp mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vinh, bà Đặng Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2020/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS, ngày 04/6/2021, giữa:

* Nguyên đơn: Ông Phùng Thanh T, sinh năm 1967;

Đại chỉ: Thôn C, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

* Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Phùng Thanh T trình bày: Năm 2016, 2017 do có mối quan hệ quen biết, làm ăn với nhau nên anh Nguyễn Ngọc H có mua vật liệu xây dựng của anh gồm có cát, xi măng, gạch, sắt thép, việc mua bán có hóa đơn chứng từ anh Hà có ký nhận nợ, nhưng từ khi mua vật liệu xây dựng đến nay anh Hà chưa thanh toán tiền cho anh, nay số tiền anh Hà còn nợ anh là 48.562.000 đồng, cụ thể:

- Hóa đơn ngày 18/01/2016, số tiền 4.805.000 đồng;

- Hóa đơn ngày 15/02/2016, số tiền 7.781.000 đồng;

- Hóa đơn ngày 27/3/2016, số tiền 6.536.000 đồng;

- Hóa đơn ngày 07/10/2016, số tiền 9.820.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 14/2/2017, số tiền 2.960.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 20/2/2017, số tiền 2.240.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 26/2/2017, số tiền 2.240.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 03/3/2017, số tiền 12.180.000 đồng;

Nay anh khởi kiện yêu cầu anh Hà trả cho tôi số tiền là 48.562.000đ, anh không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Từ năm 2016 một mình anh trực tiếp mua vật liệu xây dựng của anh Phùng Thanh T theo như hóa đơn như anh Tình xuất trình cụ thể:

- Hóa đơn ngày 18/01/2016, số tiền 4.805.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 15/02/2016, số tiền 7.781.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 27/3/2016, số tiền 6.536.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 07/10/2016, số tiền 9.820.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 20/2/2017, số tiền 2.240.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 14/2/2017, số tiền 2.960.000 đồng;
- Hóa đơn ngày 26/2/2017, số tiền 2.240.000 đồng;

Tất cả các hóa đơn trên là do anh mua hàng vật liệu xây dựng của anh Tình, anh có ký nhận các hóa đơn trên, còn 01 hóa đơn ngày 3/3/2017 anh không ký nhận nên anh không nhớ là có mua vật liệu của anh Tình hay không.

Tòa bộ số tiền anh mua vật liệu xây dựng của anh Tình còn nhiều hơn số tiền theo hóa đơn anh Tình xuất trình, nhưng anh không nhớ. Từ khi mua hàng, anh đã trả tiền cho anh Tình nhiều lần, nhưng anh không nhớ cụ thể, có lần anh trả tiền trực tiếp cho anh Tình không có giấy tờ gì, có lần anh chuyển qua Ngân hàng cho anh Tình, số tiền cụ thể anh không nhớ, còn lại anh nợ anh Tình khoảng 17.000.000 đồng. Năm 2019 anh rút tiền tại Ngân hàng và trả cho anh Tình 7.000.000 đồng, khi trả không viết giấy tờ gì. Nay anh chỉ còn nợ lại anh Tình tiền mua vật liệu xây dựng số tiền khoảng 10.000.000 đồng.

Anh Tình khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 48.562.000 đồng anh không nhất trí, vì anh đã trả tiền cho anh Tình nhiều lần, nhưng anh không nhớ chính xác cụ thể. Anh chỉ nhất trí trả cho anh Tình số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng.

Về số tiền anh trả cho anh Tình qua Ngân hàng, anh sẽ có trách nhiệm sao kê gửi cho Tòa án trước ngày 05/6/2021. Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng do anh bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nguyễn Ngọc H đều vắng mặt, không đến

Tòa án làm việc, không gửi, nộp ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Phùng Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H trả cho anh Tinh của các hóa đơn ngày 18/01/2016, số tiền 4.805.000 đồng; hóa đơn ngày 15/02/2016, số tiền 7.781.000 đồng; hóa đơn ngày 27/3/2016, số tiền 6.536.000 đồng; hóa đơn ngày 07/10/2016, số tiền 9.820.000 đồng; hóa đơn ngày 14/2/2017, số tiền 2.960.000 đồng; hóa đơn ngày 20/2/2017, số tiền 2.240.000 đồng; hóa đơn ngày 26/2/2017, số tiền 2.240.000 đồng. Tổng số tiền là 36.382.000đ. Đối với hóa đơn ngày 03/3/2017, số tiền 12.180.000 đồng do không có chữ ký của anh Hà nên anh không yêu cầu anh Hà trả số tiền trong vụ án này.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 430; 431; 433; 440; 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử buộc anh Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho anh Phùng Thanh T số tiền 36.382.000đ (*Ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*)

Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phùng Thanh T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H cư trú tại Thôn L, xã K, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang trả số tiền mua vật liệu xây dựng. Xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Toà án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Ngọc H, nhưng anh Hà đều vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Năm 2016, 2017 anh Nguyễn Ngọc H có mua vật liệu xây dựng của anh Phùng Thanh T gồm có cát, xi măng, gạch, sắt thép, việc mua bán

có hóa đơn chứng từ anh Hà có ký nhận nợ. Anh Tình xác định từ khi mua vật liệu xây dựng đến nay anh Hà chưa thanh toán tiền cho anh Tình, nay số tiền anh Hà còn nợ anh là 48.562.000 đồng, anh Tình đã đòi nhiều lần. Anh Hà xác định năm 2016, 2017 có mua vật liệu xây dựng của anh Tình theo các hóa đơn có chữ ký nhận của anh và 01 hóa đơn vợ anh ký hộ, nhưng anh đã trả anh Tình nhiều lần, khi trả không có giấy tờ gì, không nhớ thời gian trả, số tiền trả, anh Hà xác định chỉ còn nợ lại 10.000.000 đồng. Anh Hà không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho anh Tình. Đối với hóa đơn ngày 03/3/2017, số tiền 12.180.000 đồng do không có chữ ký của anh Hà nên anh Tình không yêu cầu anh Hà trả số tiền theo hóa đơn ngày 03/3/2017 nên HĐXX không xem xét giải quyết. Căn cứ vào các hóa đơn anh Tình cung cấp, ý kiến của các đương sự đủ căn cứ xác định anh Hà có mua vật liệu xây dựng theo các hóa đơn anh Tình cung cấp có chữ ký của anh Hà, tổng số tiền anh Tình yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H phải trả là 36.382.000đ, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Hà đã trả tiền cho anh Tình. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Thanh T. Buộc anh Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho anh Phùng Thanh T số tiền 36.382.000đ (*Ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Anh Phùng Thanh T không phải chịu án phí.

[4] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 235, 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 430; 431; 433; 440; 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Thanh T.

Buộc anh Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho anh Phùng Thanh T số tiền là **36.382.000 đồng** (*Ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*)

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H phải nộp 1.819.100đ (*Một triệu tám trăm mười chín nghìn một trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Phùng Thanh T không phải nộp án phí. Trả lại cho anh Tình số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.214.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001942 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyền kháng cáo: Anh Phùng Thanh T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ

Hà Thị Vinh

Hoàng Mạnh Tuấn